

PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH QUÝ III NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-PVHCC ngày tháng 10 năm 2023 của Trung tâm Phục vụ hành chính công)

STT	TÊN CƠ QUAN	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ					TÌNH HÌNH TRẢ KẾT QUẢ VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ										SỬ DỤNG DỊCH VỤ BCCI			
		Tổng số HSTN trong kỳ	Trong đó				Tổng số HS phải giải quyết	HS kỳ trước chuyển qua	Tổng số HS đã GQ & TKQ	Trong đó						Tổng số hồ sơ	Trong đó		Đạt %	
			HSTN trực tiếp	Đạt %	HSTN trực tuyến	Đạt %				TKQ trước hạn	Đạt %	TKQ đúng hạn	Đạt %	Hồ sơ trễ hạn	Đạt %		Tiếp nhận	Trả kết quả		
1	Bảo hiểm Xã hội	9.056	1.407	15,54	7.649	84,46	9.424	368	9.191	0	0	9.191	100	0	0	636	98	538	6,75	
2	Ban Quản lý các KCN	105	10	9,52	95	90,48	115	10	114	114	100	0	0	0	0	20	0	20	17,39	
3	Công an tỉnh	1.159	1.159	100	0	0	1.160	1	1.138	93	8,17	1.045	91,83	0	0	4	0	4	0,34	
4	Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	3.927	2	0,05	3.925	99,95	3.971	44	3.971	3.971	100	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Sở Công Thương	8.050	26	0,32	8.024	99,68	8.263	213	7.935	65	0,82	7.870	99,18	0	0	39	11	28	0,47	
6	Sở Du lịch	22	0	0	22	100	23	1	19	19	100	0	0	0	0	19	0	19	82,61	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	220	0	0	220	100	231	11	219	218	100	1	0	0	0	94	4	90	40,69	
8	Sở Giao thông vận tải	5.006	5.006	100	0	0	5.024	18	4.772	4.546	95,26	225	4,72	1	0,02	923	3	920	18,37	
9	Sở Khoa học và CN	21	0	0	21	100	25	4	25	25	100	0	0	0	0	22	0	22	88	
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.050	971	92,48	79	7,52	1.124	74	999	996	99,7	3	0,3	0	0	520	2	518	46,26	
11	Sở Lao động - TBXH	370	1	0,27	369	99,73	407	37	377	377	100	0	0	0	0	171	1	170	42,01	
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	131	10	7,63	121	92,37	143	12	118	118	100	0	0	0	0	90	0	90	62,94	
13	Sở Nội vụ	40	3	7,5	37	92,5	43	3	41	41	100	0	0	0	0	10	0	10	23,26	
14	Sở Tài chính	20	6	30	14	70	29	9	28	28	100	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	Sở Tài nguyên và MT	211	183	86,73	28	13,27	253	42	189	185	97,88	2	1,06	2	1,06	2	0	2	0,79	
16	Sở Tư pháp	2.414	931	38,57	1.483	61,43	2.876	462	2.361	2.360	100	1	0	0	0	1.806	90	1.716	62,8	
17	Sở Thông tin và TT	35	0	0	35	100	36	1	35	35	100	0	0	0	0	1	0	1	2,78	
18	Sở Văn hóa Thể thao	71	0	0	71	100	75	4	71	71	100	0	0	0	0	31	0	31	41,33	
19	Sở Xây dựng	152	0	0	152	100	274	122	191	191	100	0	0	0	0	7	0	7	2,55	
20	Sở Y tế	277	1	0,36	276	99,64	398	121	339	339	100	0	0	0	0	232	0	232	58,29	
TỔNG CỘNG		32.337	9.716	30,05	22.621	69,95	33.894	1.557	32.133	13.792	42,92	18.338	57,07	3	0,01	4.627	209	4.418	13,65	

Ghi chú: Số lượng hồ sơ tiếp nhận chưa bao gồm:

- Công an tỉnh tiếp nhận 1.159 hồ sơ trực tuyến, Sở KHĐT tiếp nhận hồ sơ trực tuyến mức độ 4: 934 hồ sơ (do chưa hoàn thiện giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Công dịch vụ công của tỉnh với phần mềm chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ KHĐT, nên ảnh hưởng đến kết quả thống kê tiếp nhận trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh)

- Sở Nội vụ tiếp nhận 37 hồ sơ trực tuyến, trong đó trực tiếp thẩm định: 179 hồ sơ tập thể, 355 hồ sơ cá nhân; Sở Giao thông vận tải tiếp nhận 61 hồ sơ trực tuyến